**KIỂM TRA GIỮA KỲ II**

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN TOÁN -LỚP 6**

**Thời gian làm bài: 2 tiết (Tiết 107- 108)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủđề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| **1** | **Phân số** | ***Phân số, tính chất cơ bản của phân số, so sánh phân số*** | 4  (TN1  TN 2  TN 3  TN 4) |  |  | 1  (TL13) |  |  |  |  | 2  20% |
| ***Các phép tính về phân số.*** |  |  | 2  (TN 5  TN 6) | 1  (TL  14a,b) |  | 1  (TL  14c) |  | 1  (TL  18) | 3  30% |
| **2** | **Số thập phân** | ***Số thập phân, và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | 2  (TN 7  TN8) | 1  (TL 15) |  | 1  (TL  16) |  | 1  (TL  17) |  |  | 4  40% |
| **3** | **Những hình học cơ bản** | ***Điểm, đường thẳng*** | 4  (TN9  TN10  TN11  TN12) |  |  |  |  |  |  |  | 1  10% |
|  | **Số câu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Số điểm** |  | 2,5 | 1 | 0,5 | 3,5 |  | 1,5 |  | 1,0 | 10,0 |
|  | **Tỉ lệ chung** |  | 30% | | 40% | | 20% | | 10% | | 100% |

**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN TOÁN -LỚP 6**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ đánh giá** | | | |
|  |  |  |  | **Nhận**  **biết** | **Thông**  **hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
|  | **SỐ VÀ ĐẠI SỐ** | |  |  |  |  |  |
| **1** | **Phân số** | ***Phân số, tính chất cơ bản của phân số, so sánh phân số*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số. – So sánh được hai phân số cho trước. – Nhận biết được số đối của một phân số. – Nhận biết được hỗn số dương. | 4  (TN1  TN 2  TN 3  TN 4)  1 điểm |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  - So sánh được hai phân số cho trước |  | 1  (TL13)  1 điểm |  |  |
|  |  | ***Các phép tính về phân số.*** | ***Thông hiểu:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.  – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. |  | 3  (TN 5  TN 6, TL 14a,b)  1,5điểm |  |  |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  | 1  (TL  14c) |  |
|  |  |  | ***Vận dụng cao:***  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức tạp, không quen thuộc) gắn với các phép toán về phân số |  |  |  | 1  (TL18)  1 điểm |
| **2** | **Số thập phân** | 2.1. ***Số thập phân, và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | ***Nhận biết:***  - Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân, làm tròn số | 3  (TN 7  TN8  TL 15)  1,0 điểm |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  - So sánh được hai số thập phân cho trước  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. |  | 1  (TL16)  1 điểm |  |  |
| ***Vận dụng:*** – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |  |  | 1  (TL17)  1,5điểm |  |
|  | **HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG** | |  |  |  |  |  |
| **3** | **Những hình học cơ bản** | ***Điểm, đường thẳng*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. | 4  (TN9  TN10  TN11  TN 12)  1 điểm |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  | 9 | 8 | 3 | 1 |
|  | **Tỉ lệ %** |  |  | 30% | 40% | 20% | 10% |
|  | **Tỉ lệ chung** |  |  | TN 30% | | TL 70% | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ**

**MÔN TOÁN – LỚP 6**

*Thời gian làm bài 90 phút*

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)**

***Chọn phương án trả lời đúng trong các phương án A, B, C, D .***

**Câu 1.** Cách viết nào sau đây biểu diễn không phải là phân số?

A.  . B. . C. . D. .

**Câu 2.** Hai phân số  thì ta có quy tắc nào sau đây?

A. a-n=b-m. B. a+n= b+m C . a:n = b:m D. a.n = b.m

**Câu 3.** Số đối của phân số là số nào?

A.  . B.  . C. . D.  .

**Câu 4.** Hỗn số nào không phải là hỗn số dương?

A. . B.  . C. . D.  .

**Câu 5.** Biết  số học sinh của lớp 6A là 10 học sinh. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh?

A. 14 học sinh . B. 40 học sinh. C. 20 học sinh D. 50 học sinh.

**Câu 6.**  của 1 giờ bằng bao nhiêu phút ?

A. 40 phút. B. 20 phút . C. 45 phút. D. 30 phút.

**Câu 7.** Làm tròn số 9,8462 đến hàng phần mười ta được kết quả là số nào?

A. 9,84. B. 9,85. C. 9,9. D. 9,8.

**Câu 8.** Trong các số thập phân -2,1923; -5,123; -2, 91; -5,0789 số thập phân lớn nhất là?

A. -2,1923 . B. -2,91 . C. -5,0789. D. -5,123 .

**Câu 9.** Hãy **c**họn cách đọc đúng từ hình vẽ ?

**A.** Tia AB.

**B.** Đường thẳng AB.

**C.** Đoạn thẳng AB.

**D.** Đường thẳng BA**.**

**Câu 10.** Điểm A không thuộc đường thẳng d được kí hiệu ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** . | **B**. . | **C**. . | **D**. . |

**Câu 11.** Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định ***sai*** trong các khẳng định sau đây?

A. Ba điểm A, B, C thẳng hàng.



B. Điểm C nằm giữa 2 điểm A và B.

C. Điểm B nằm giữa 2 điểm A và C.

D. hai điểm Avà B nằm cùng phía đối với điểm C.

**Câu 12.** Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Hai đường thẳng AB và AC song song với nhau.  B. Hai đường thẳng AB và AC có ba điểm chung  C. Hai đường thẳng AB và AC cắt nhau.  D. Hai đường thẳng AB và AC không có điểm chung. |  |

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)**

**Câu 13.** (1 điểm)Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn :

**Câu 14.** (1,5 điểm) Thực hiện phép tính.

a)  b)  c) 

**Câu 15** (0,5 điểm)

Viết các phân số thập phân **** dưới dạng số thập phân rồi tìm số đối của các số thập phân đó.

**Câu 16:** (1,5 điểm)Tìm x biết

a) 3,2 . x = -6,4 b) c) 

**Câu 17.** (1,5 điểm )Khối 6 của một trường THCS có 114 học sinh được chia thành ba lớp 6A, 6B, 6C. Biết học sinh lớp 6A bằng  số học sinh cả khối 6. Số học sinh lớp 6A bằng  số học sinh lớp 6B. Tính số học sinh lớp 6C của trường đó?

**Câu 18.** (1,0 điểm )Một bà đi chợ bán trứng, lần đầu bà bán được  số trứng,lần thứ hai bà bán được  số trứng còn lại thì còn lại 10 quả. Hỏi số trứng ban đầu bà đem đi bán là bao nhiêu quả.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II MÔN TOÁN 6**

**A. TRẮC NGHIỆM:(3,0 điểm)** *Mỗi câu đúng 0,25 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| A | D | A | C | B | A | D | A | B | C | B | C |

**B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung yêu cầu** | **Điểm** |
| **13** | Ta có:  giữ nguyên  Vì  nên  Vậy các phân số được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là: | 0,5  0,5 |
| **14**  **(1,5đ)** | a) = 6,3 + 4,9+ (-6,3) = [6,3 + (-6,3)] + 4,9= 0 + 4,9= 4,9 | 0.5 |
| b) = **=** **=** | 0,5 |
| c) = | 0,5 |
| **15**  **(0,5đ)** | Ta có  -0,015 có số đối là 0,015    78,9 có số đối là -78,9 | 0,25  0,25 |
| **16**  **(1,0đ)** | a) 3,2 . x = -6,4  x =- 6,4: 3,2  x = -2  Vậy x = -2  b)    Vậy x = 2,98  c)        Vậyx= | 0,5  0,5  0,5 |
| **17**  **(1,5đ)** | Số học sinh lớp 6A là: 114. = 38 (học sinh)  Số học sinh lớp 6B là: 38 :  = 38 :  = 36 (học sinh)  Số học sinh lớp 6C là: 114 – 38 – 36 = 40 (học sinh)  Vậy số học sinh lớp 6C là 40 (học sinh) | 0,5  0,5  0,5 |
| **18**  **(1,0đ)** | Số trứng còn lại sau lần bán thứ nhất tương ứng với số phấn là:  (số trứng ban đầu)  Số trứng bán được ở lần bán thứ hai tương ứng với số phấn là:  (số trứng ban đầu)  10 quả trứng còn lại sau hai lần bán tương ứng với số phấn là:  (số trứng ban đầu)  Số trứng ban đầu bà mang đi chợ bán là:  (quả trứng) | 0,25  0,25  0,25  0,25 |